

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP - NỘI DUNG VÀ GIÁ TRỊ

LẠI THỊ THANH BÌNH*

Sự ra đời của bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là mốc son trong lịch sử dân tộc Việt Nam, đánh dấu sự khởi đầu của một quốc gia độc lập. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người trong Tuyên ngôn Độc lập về chủ quyền, toàn vẹn về lãnh thổ cho đến nay vẫn còn giữ nguyên giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại sâu sắc.

Từ khóa: tư tưởng Hồ Chí Minh; Tuyên ngôn Độc lập; nhân quyền.

The Declaration of Independence of the Democratic Republic of Viet Nam was a great landmark in the history of the nation which set the start of an independent country. Ho Chi Minh's thought on sovereignty and territorial integrity reflected in the Declaration of Independence still has retained its great historical values and significance.

Key words: Ho Chi Minh's thought; the Declaration of Independence; human rights.

NGÀY NHẬN: 11/5/2017

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 01/8/2017

NGÀY DUYỆT: 14/8/2017

1. Ngày 10/12/1948, tại Palais de Chailot ở Paris (Pháp), Đại hội đồng Liên hiệp quốc đã thông qua Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền - là tuyên ngôn đầu tiên của thế giới về các quyền cơ bản của con người. Bản Tuyên ngôn đã hướng tới việc truyền đạt và giáo dục để nỗ lực thúc đẩy các quốc gia thành viên Liên hiệp quốc tôn trọng các quyền cơ bản của con người. Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền được coi như là một khuôn mẫu chung cần đạt tới của mọi quốc gia và dân tộc trên thế giới. 18 năm sau đó, năm 1966, Đại hội đồng Liên hiệp quốc đã thông qua Công ước quốc tế về các quyền kinh tế - xã hội, văn hóa và Công ước quốc

tế về các quyền dân sự, chính trị để hoàn thành cơ bản Bộ luật Nhân quyền quốc tế. Điều đó chứng tỏ nhân quyền không chỉ là vấn đề của một nước, một dân tộc mà là vấn đề của nhân loại, đã, đang và sẽ trở thành mục tiêu hướng đến của tất cả các dân tộc trên thế giới.

Ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đầu tiên giải quyết một cách triệt để vấn đề quyền con người. Từ truyền thống dân tộc, đặc điểm thời đại, con người hiện thực, Hồ Chí Minh đã sử dụng khái niệm

* ThS, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội

nhân quyền trong các lập luận đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, bảo vệ, bênh vực quyền lợi cho các dân tộc bị áp bức và các nước thuộc địa. Người đã giành lại ngọn cờ dân chủ nhân quyền từ chủ nghĩa thực dân và xem đó là lý tưởng, là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Người đã hành động theo chân lý: chỉ khi dân tộc được độc lập, nước nhà được tự do, chủ quyền lãnh thổ được toàn vẹn thì quyền công dân, quyền con người mới được bảo đảm. Chân lý mà Hồ Chí Minh tìm ra đã được thể hiện trong văn bản đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Tuyên ngôn Độc lập. Đây là một trong những tác phẩm lý luận của Hồ Chí Minh đánh dấu con đường đấu tranh giành lại và khẳng định chủ quyền của đất nước, độc lập của dân tộc để mở ra một kỷ nguyên mới cho nhân dân Việt Nam được hưởng trọn vẹn về quyền con người.

Ngày 02/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Hồ Chủ tịch đã đọc Bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”¹.

Mở đầu bản Tuyên ngôn Độc lập, Hồ Chí Minh viết: “Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”²; “Người ta sinh ra tự do bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do, bình đẳng về quyền lợi”³.

2. Bình đẳng về quyền lợi, quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh

phúc là điều mà tất cả nhân dân, các dân tộc trên thế giới đều hướng đến. Đây không phải là những quyền Hồ Chí Minh tự nghĩ ra, mà được Người trích dẫn trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của Mỹ, Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của cách mạng Pháp năm 1791. Đằng sau hai chữ nhân quyền trong hai bản Tuyên ngôn này là gì?

Tất cả những câu hỏi đó được lý giải bởi các vấn đề sau:

Thứ nhất, những năm đầu thế kỷ XX, khi còn ở trong nước, Hồ Chí Minh đã trực tiếp chứng kiến hậu quả của cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Đông Dương và Việt Nam. Cuộc khai thác đó đã đưa đến một xã hội thuộc địa với hai tầng áp bức là phong kiến tay sai và thực dân Pháp. Mặc dù mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc với thực dân Pháp là mâu thuẫn cơ bản nhưng rõ ràng bản chất của chế độ thuộc địa là sự cấu kết giữa đế quốc và phong kiến. Muốn bóc lột thuộc địa, thực dân Pháp phải lợi dụng phong kiến. Địa chủ phong kiến muốn có sức mạnh hậu thuẫn để bảo đảm vị trí của mình thì phải dựa vào thực dân Pháp. Sự cấu kết này đã đẩy toàn bộ nhân dân ta sống trong địa ngục. Chúng ta bị tước hết quyền về chính trị, kinh tế, văn hóa. Nhân dân Việt Nam mất nước, mất tự do, mất hết quyền làm người. “Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho dân ta một chút tự do dân chủ nào. Chúng thi hành những pháp luật dã man, chúng lập ra ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân ta đoàn kết... Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong bể máu”⁴.

Bị tước hết quyền sống, quyền tự do, người dân Việt Nam còn phải chịu nhục hình, xâm phạm về thân thể, bị đối xử vô nhân đạo và không được coi như con người dưới thời thuộc địa.

Khi nói tới sự phát triển của nền kinh tế - xã hội, C.Mác thường nhấn mạnh tới phương thức sản xuất như là thước đo cho sự phát triển kinh tế của xã hội đó và yếu tố con người là thước đo cho trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Trái ngược với quy luật trên, thực dân Pháp đã thực thi chính sách ngu dân, làm cho người dân Việt Nam dốt nát về tri thức và kiệt quệ về sức khỏe. “Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học”; “Chúng dùng thuốc phiện, rượu, cần, để làm cho nòi giống ta suy nhược”⁵.

Kim hãm về chính trị, thực dân Pháp lợi dụng phong kiến áp bức, bóc lột dân ta về kinh tế. “Chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều. Chúng cướp không ruộng đất, rừng mỏ, nguyên liệu. Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng. Chúng đặt hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho nhân dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng”⁶... Tất cả những điều đó đều được Hồ Chí Minh dùng lời lẽ vạch trần trong Tuyên ngôn Độc lập.

Thứ hai, thời điểm những thập niên đầu thế kỷ XX ở Việt Nam cũng đã nổi lên những phong trào yêu nước, ý chí căm thù giặc của các tầng lớp trong xã hội, đại diện cho những tầng lớp đó phải kể đến Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học... các sỹ phu yêu nước đã thể hiện được ý thức dân tộc, khát vọng về tự do, dân chủ, tuy nhiên con đường mà họ khởi xướng và hoạt động đều dẫn đi đến thất

bại. Điều đó chứng tỏ nhân dân Việt Nam chưa hiểu rõ bản chất của kẻ xâm lược, chúng ta mới thấy được biểu hiện bên ngoài của hành động được thực dân gọi là khai hóa.

Với phương châm “Muốn thắng kẻ thù phải hiểu rõ kẻ thù”, từ năm 1912 - 1917, Hồ Chí Minh đã sang Mỹ và Anh. Năm 1911 và từ năm 1917 - 1923, Người sang Pháp với mong muốn tìm hiểu cuộc sống của người dân ở những đất nước vẫn luôn đề cao hai chữ nhân quyền... Điều mà Hồ Chí Minh đúc kết được sau chuỗi ngày sống và làm việc trên đất tư bản là ở đâu, chủ nghĩa tư bản cũng tàn ác và vô nhân đạo, ở đâu giai cấp công nhân và nhân dân lao động cũng bị áp bức, bóc lột, phân biệt đối xử tàn tệ, dã man. Tất cả những hành động phi nhân quyền đều được Hồ Chí Minh viết rõ trong Bản án chế độ thực dân Pháp và một lần nữa trong Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta, hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa”⁷.

Như vậy, rõ ràng việc Hồ Chí Minh trích dẫn Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ, Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của cách mạng Pháp trong bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là hoàn toàn có dụng ý. Một mặt, Người khẳng định bình quyền, bình đẳng là quyền vốn có của con người, và điều này đã được các dân tộc lớn trên thế giới như Mỹ, Pháp thừa nhận; mặt khác là để cho thế giới biết rằng ở Mỹ, Pháp, Đông Dương, Việt Nam hay ở các nước thuộc địa khác thì bình đẳng về quyền lợi, quyền được sống, quyền tự do

và quyền mưu cầu hạnh phúc vẫn là mong muốn, là cái đích mà dân tộc Việt Nam và người dân lao động trên toàn thế giới, ngay cả trên chính nước Mỹ và Pháp đều hướng tới.

Vượt lên tầm thời đại, giá trị bản Tuyên ngôn Độc lập mà Hồ Chí Minh soạn thảo còn nằm ở chỗ Người muốn nhấn mạnh: trước khi đi khai hóa cho các dân tộc khác thì Mỹ, Pháp phải tự khai hóa cho chính dân tộc của mình để những quyền ấy không còn là khẩu hiệu mà phải hiện hữu trong chính cuộc sống của người dân nước họ. Nếu bình đẳng, bình quyền là những chân lý thì còn có rất nhiều người dân Pháp, Mỹ đang mong muốn được sống, suy nghĩ và hành động trong một xã hội mà chân lý đó được thực thi.

Ở Việt Nam, khi Nhật vào tước khí giới của quân đội Pháp, thực dân Pháp đã bỏ chạy, trong 5 năm, hai lần chúng đã bán nước ta cho quân Nhật. Đáp lại những hành động phi nhân quyền của thực dân Pháp, sau biến động ngày 09/3/1945, quân đội Việt Minh đã có cách hành xử rất đẹp và nhân văn đối với kẻ bại trận: “Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thù, lại cứu cho người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng, tài sản cho họ”⁸. Lấy nhân ái, tình người để đáp trả lại tự tàn bạo, áp bức. So sánh hai hành động này để thấy được thước đo sự văn minh, nhân quyền không nằm ở văn bản hay miệng lưỡi của kẻ mạnh, cũng không nằm trong Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của cách mạng Pháp mà nằm trong khối óc, trái tim và hành động của những người đứng về lẽ phải, của những người yêu chuộng hòa bình.

Thứ ba, về chủ quyền lãnh thổ, trong Tuyên ngôn Độc lập, Hồ Chí Minh cũng

đã nêu rõ: “Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp”⁹. Đây có thể coi là minh chứng lịch sử để thế giới biết rằng thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, lấy danh nghĩa là “bảo hộ”, là “khai hóa văn minh” cho dân tộc Việt Nam nhưng âm mưu đó hoàn toàn thất bại, họ đã bán Việt Nam cho Nhật. Hành động đó một lần nữa cho thấy tính phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Phần thắng sẽ thuộc về chính nghĩa, dân tộc Việt Nam đã lấy lại đất nước của mình từ tay người Nhật. Hồ Chí Minh đã đưa ra những lý lẽ ngắn gọn, xác đáng để tuyên bố rõ ràng với thế giới rằng: “Bởi thế cho nên, chúng tôi, Lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới, đại biểu cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ với thực dân Pháp, xoá bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xoá bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam”¹⁰.

3. Cách mạng Tháng Tám thành công mở ra một chương mới trong lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Toàn thể dân tộc Việt Nam đã đập tan xiềng xích của ách thực dân gần 100 năm và lật đổ đế chế phong kiến hàng nghìn năm. Điều đó chứng tỏ sức mạnh đoàn kết dân tộc đã đẩy khát vọng hướng tới độc lập trở thành hiện thực. Nhân dân chỉ có thể được tự do, quyền con người chỉ có thể được hiện thực hóa khi nước nhà độc lập. Đó chính là sợi chỉ đỏ xuyên suốt cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam mà Hồ Chí Minh là người dẫn dắt. “Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó

phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập”¹¹. Có thể nói, luận điểm này của Hồ Chí Minh đã vượt ra ngoài phạm vi của một dân tộc và có ý nghĩa thời đại rất sâu sắc. Luận điểm đó chính là lẽ phải, là chân lý. Nó được vang lên trong bản Tuyên ngôn không chỉ là lời tuyên bố của người đại diện cho một đất nước anh hùng, nó còn là sự cổ vũ, khích lệ đối với những dân tộc thuộc địa: Việt Nam cũng như bất cứ một dân tộc thuộc địa nào trên thế giới, sự gan góc, anh hùng, ý chí quật cường, tinh thần đoàn kết dưới sự lãnh đạo sáng suốt của một chính đảng duy nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam để chống lại thế lực ngoại xâm, đòi lại lẽ phải thì dân tộc đó xứng đáng được độc lập, nhân dân xứng đáng được tự do.

Trong bản Tuyên ngôn Độc lập, Hồ Chí Minh nói đến Hội nghị Têhêrăng (Thủ đô Iran), ở đó, các nước đồng minh đã thông qua Nghị quyết bảo đảm nền hòa bình lâu dài trên thế giới sau chiến tranh, vì vậy, Người khẳng định các nước đồng minh quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân tộc Việt Nam.

Tuyên ngôn Độc lập là thành quả của cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm anh hùng, bất khuất của toàn thể dân tộc Việt Nam. Là kết tinh những giá trị tinh thần cao quý, tư duy biện chứng sâu sắc và năng lực lãnh đạo tài tình của Hồ Chí Minh để hướng đến quyền làm chủ đất nước, làm chủ bản thân của nhân dân Việt Nam. Kể từ khi ra đời, bản Tuyên ngôn là sự khởi đầu cho một đất nước độc lập. Độc lập rồi thì phải làm gì để ổn định, để người dân đủ ăn, đủ mặc, được học hành, được vui chơi... Chính vì vậy, từ sau Tuyên ngôn Độc lập năm 1945, Hồ Chí Minh đã tiếp tục hành trình hướng tới xây dựng, hoàn thiện và hiện thực hóa những

quyền cơ bản của một con người trong đất nước độc lập, như quyền làm chủ, quyền đi lại, quyền cư trú, quyền được sở hữu tài sản riêng, quyền tự do tín ngưỡng, lương giáo đoàn kết, quyền được pháp luật bảo vệ, quyền bình đẳng trước pháp luật và sau này là quyền được tham gia vào quản lý đất nước.

Như vậy, không chỉ có ý nghĩa dân tộc, bản Tuyên ngôn Độc lập còn có ý nghĩa thời đại rất sâu sắc, nó là lời khẳng định về quá trình đấu tranh để giành độc lập dân tộc và vì quyền con người của các dân tộc trên thế giới, nhất là những dân tộc chưa phát triển về quyền tự do, độc lập, bất khả xâm phạm, vì lẽ đó mà Tuyên ngôn Độc lập được coi như Tuyên ngôn nhân quyền của tất cả các dân tộc thuộc địa.

Ngày 20/9/1977, Việt Nam chính thức được công nhận là thành viên của Liên hiệp quốc. Sự kiện này đã minh chứng và khẳng định cho những cống hiến quan trọng của Hồ Chí Minh trong việc giành độc lập dân tộc, chủ quyền lãnh thổ và xây dựng quyền con người ở Việt Nam cũng như những nỗ lực của Người trong quan hệ ngoại giao với thế giới. Là tiền đề cho công cuộc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa phát triển một cách toàn diện; xác lập nên chính trị dân chủ xã hội chủ nghĩa, hiện thực hóa quyền con người ở Việt Nam trong mối tương quan với quyền con người trên thế giới. Hơn 70 năm sau khi ra đời, bản Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên giá trị lịch sử, dân tộc và nhân quyền □

Chú thích:

1, 9, 10, 11. Hồ Chí Minh, Toàn tập. Tập 4. H. NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr. 3.

2, 3, 4, 7. Sđd. Tập 4, tr. 1.

5, 6, 8. Sđd. Tập 4, tr. 2.